

Số: 1078/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kế toán – Tài chính tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 174 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 35 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 (2013 – 2017)	K56 (2014 – 2018)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Tài chính – Ngân hàng	01		04	39	44
2	Kế toán		01	04	125	130

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 (2014-2017)	K57 (2015-2018)	K58 (2016-2019)	K59 (2017-2020)	Cộng
1	Kế toán	03	02	05	25	35

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Kế toán – Tài chính và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pí Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
Theo Quyết định số 1018 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 9 năm 2020
Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55133677	Ngô Mạnh Cường	14/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
2	57135018	Nguyễn Ngọc Thảo Anh	09/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.TCNH	2015-2019
3	57137049	Trần Nguyễn Thảo Duyên	28/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.TCNH	2015-2019
4	57132329	Nguyễn Thị Thùy Tiên	12/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.TCNH	2015-2019
5	57131577	Lê Trần Ngọc Văn	09/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.TCNH	2015-2019
6	58130780	Nguyễn Phạm Lan Anh	31/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
7	58133173	Ngô Hoàng Quốc Bảo	05/01/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
8	58133174	Dư Ngọc Yên Bình	13/08/1998	Hồ Chí Minh	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020
9	58133175	Dương Thị Châu	21/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
10	58130792	Lê Nghiêm Minh Đức	20/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
11	58133177	Nguyễn Thị Thu Hà	15/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020
12	58130796	Nguyễn Thị Thúy Hân	19/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
13	58130795	Lê Thị Thanh Hằng	11/12/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
14	58132748	Nguyễn Thị Thu Hậu	10/04/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
15	58130804	Nguyễn Tuấn Hùng	17/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
16	58130809	Hoàng Thị Khánh Huyền	17/07/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
17	58130811	Lê Tấn Khôi	08/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
18	58130818	Trương Hoàng Khánh Linh	10/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
19	58130820	Nguyễn Thị Kiều Loan	05/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020
20	58130821	Nguyễn Thị Kiều Loan	08/10/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
21	58130827	Trần Quang Nghĩa	10/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
22	58130831	Dương Yến Nhi	25/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
23	58130832	Hồ Ngọc Hoàng Nhi	28/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
24	58133178	Võ Thanh Nhi	22/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
25	58130835	Trần Thị Hồng Như	31/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.TCNH	2016-2020
26	58130826	Nguyễn Thị Nở	26/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
27	58130841	Lê Thị Phụng	01/01/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
28	58130845	Nguyễn Ngọc Quyên Quyên	04/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
29	58130846	Nguyễn Thị Minh Tâm	05/12/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
30	58130852	Vương Trung Thành	23/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.TCNH	2016-2020
31	58130855	Nguyễn Thu Thảo	06/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
32	58132644	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
33	58133181	Lê Thị Thu Thảo	29/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
34	58133183	Đinh Thị Thu	02/07/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
35	58130857	Nguyễn Thị Hồng Thủy	02/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
36	58130849	Lê Anh Tiến	01/04/1997	Quảng Bình	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
37	58130851	Trịnh Đức Toàn	09/12/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.TCNH	2016-2020
38	58130864	Nguyễn Thị Huyền Trân	20/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020
39	58139023	Trịnh Hoàng Hải Trang	17/07/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020
40	58130865	Nguyễn Thanh Huyền Trinh	14/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
41	58130870	Lê Tường Vy	23/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020

A.24.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
42	58130871	Nguyễn Thị Thủy Vy	27/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
43	58130872	Phan Lê Tường Vy	05/07/1998	Đồng Nai	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020
44	58130873	Trần Thị Anh Y	16/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.TCNH	2016-2020

Danh sách có 44 sinh viên

2. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58130877	Phan Minh Bảo	28/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KIT	2016-2020
2	58130897	Nguyễn Cao Thùy Duyên	03/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
3	58130921	Đỗ Hữu Minh Hiếu	14/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Xuất sắc	58.KIT	2016-2020
4	58130927	Lê Thị Hoài	31/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
5	58130938	Nguyễn Thái Huyền	04/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
6	58131332	Nguyễn Thị Lắm	13/01/1997	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KIT	2016-2020
7	58130958	Trần Nguyễn Hoàng Lan	19/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KIT	2016-2020
8	58130973	Đinh Hoàng Mai	10/03/1998	Ninh Bình	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
9	58139040	Trần Thị Ngọc	29/07/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
10	58130999	Trần Thị Kim Nhi	18/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
11	58131061	Trần Thị Thảo	15/01/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
12	58131062	Đặng Thị Thi	27/01/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
13	58131069	Trương Thị Diễm Thu	15/08/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
14	58131082	Nguyễn Huỳnh Thị Hoài Thương	05/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KIT	2016-2020
15	58131071	Bùi Thị Thu Thủy	18/07/1998	Thái Bình	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
16	58131087	Nguyễn Thị Kiều Trang	24/04/1998	Bắc Ninh	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
17	58133604	Nguyễn Thị Trang	17/07/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
18	58131118	Nguyễn Thuận Yến	20/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KIT	2016-2020
19	56130404	Nguyễn Khánh Huyền	25/03/1996	Gia Lai	Nữ	Trung bình	56.KT-1	2014-2018
20	57131627	Phạm Nguyễn Hoàng Chinh	06/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KT-1	2015-2019
21	57131699	Nguyễn Đoàn Kỳ Duyên	06/08/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.KT-1	2015-2019
22	57131503	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	23/11/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KT-1	2015-2019
23	57130954	Phạm Thị Thu Hoài	13/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KT-1	2015-2019
24	58130874	Bùi Thị Quỳnh Anh	05/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
25	58130881	Nguyễn Nhật Cảnh	24/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
26	58130887	Kiều Thị Tùng Chi	07/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
27	58130890	Võ Thị Linh Chi	27/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
28	58130902	Lê Thị Hồng Đào	06/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KT-1	2016-2020
29	58130910	Dương Thị Hải	06/03/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
30	58130915	Trịnh Thị Hằng	26/03/1998	Thanh Hoá	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
31	58130917	Lê Thị Minh Hậu	26/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KT-1	2016-2020
32	58130924	Trần Thị Minh Hiếu	20/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
33	58130942	Lê Thị Hương	30/11/1997	Quảng Trị	Nữ	Giỏi	58.KT-1	2016-2020
34	58130944	Nguyễn Thị Thanh Hương	14/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
35	58130934	Cao Thị Huyền	12/06/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
36	58130937	Ngô Kim Khánh Huyền	23/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KT-1	2016-2020
37	58130951	Hoàng Minh Khang	07/03/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KT-1	2016-2020
38	58130954	Lưu Quang Anh Khoa	12/02/1995	Đà Nẵng	Nam	Khá	58.KT-1	2016-2020
39	58130948	Phạm Thị Thanh Kiều	01/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
40	58130960	Nguyễn Thị Mỹ Liên	28/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
41	57131462	Trịnh Thị Mỹ	29/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
42	58130965	Trần Thị Diệu	22/08/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
43	58130967	Lê Thị Hồng	03/05/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
44	58130976	Nguyễn Thị Minh	02/12/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
45	58130992	Trần Trọng Nhân	25/09/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.KT-1	2016-2020
46	58130994	Nguyễn Huỳnh Nhi	01/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
47	58131021	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	28/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KT-1	2016-2020
48	58131026	Nguyễn Thị Như Quỳnh	15/08/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
49	58131029	Lê Thị Ngọc Sáu	09/03/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
50	58131032	Hoàng Thị Tam	07/02/1998	Nghệ An	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
51	58131054	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KT-1	2016-2020
52	58131058	Tô Thị Thu Thảo	07/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
53	58131072	Lê Nhật Thủy	03/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
54	58131094	Phạm Thị Huyền Trâm	04/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
55	58130503	Nguyễn Thị Bích Vân	19/03/1997	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
56	58131111	Cao Hoàng Vy	27/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-1	2016-2020
57	58130875	Trần Nguyễn Minh Anh	24/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KT-2	2016-2020
58	58130878	Võ Thị Kim Bảo	21/11/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
59	58130901	Nguyễn Kim Anh Đài	20/11/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
60	58130893	Đỗ Thị Diệu	22/04/1998	Kon Tum	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
61	58130900	Trịnh Thị Mỹ Duyên	05/02/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
62	58130906	Lương Thị Hà	12/01/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
63	58130916	Nguyễn Gia Hân	19/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KT-2	2016-2020
64	58130911	Nguyễn Nhật Hào	22/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
65	58130926	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	28/12/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
66	58130928	Lê Thị Minh Hoài	05/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
67	58135360	Huỳnh Thị Kim Huệ	12/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
68	58130935	Hoàng Thị Thanh Huyền	03/02/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
69	58130941	Trương Ngọc Huyền	07/03/1998	Phú Thọ	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
70	58130952	Nguyễn Thị Hồng Khánh	01/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
71	58130957	Nguyễn Hồ Tố Lan	15/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.KT-2	2016-2020
72	58130816	Nguyễn Thị Linh	21/09/1998	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	58.KT-2	2016-2020
73	58130972	Nguyễn Thị Thu Lý	19/12/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
74	58130974	Nguyễn Thị Kim Mai	02/11/1997	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
75	58130985	Nguyễn Thị Bích Ngân	16/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
76	58130833	Trần Hà Nhi	17/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
77	58130996	Nguyễn Thị Ý Nhi	22/06/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
78	58130459	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	23/02/1998	Nam Định	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
79	58133195	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	06/02/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
80	58131019	Nguyễn Thị Bích Qui	15/03/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
81	58135044	Nguyễn Thanh Thanh	02/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
82	58131049	Lê Nguyên Thảo	22/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
83	58131055	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/05/1998	Bình Định	Nữ	Trung bình	58.KT-2	2016-2020
84	58131059	Trần Thị Kim Hồng Thảo	10/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
85	58131067	Nguyễn Võ Anh Thơ	20/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
86	58131077	Trần Minh Thụ	07/02/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.KT-2	2016-2020

Handwritten signature or mark.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
87	58131073	Nguyễn Thị Thu	12/04/1998	Quảng Nam	Nữ	Trung bình	58.KT-2	2016-2020
88	58131036	Thái Hoàng Khả	17/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
89	58131092	Nguyễn Phúc Thanh	13/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
90	58131037	Đặng Thị Thanh	02/04/1998	Đắk Nông	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
91	58131041	Đoàn Hải	22/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
92	58131042	Nguyễn Thị Ánh	26/11/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
93	58131104	Nguyễn Thị Tú	05/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
94	58133200	Nguyễn Thị Hạ	13/12/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
95	58131113	Nguyễn Hoàng Thảo	28/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-2	2016-2020
96	58130880	Nguyễn Thị Ngọc	24/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
97	58130888	Nguyễn Thị Kim	16/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
98	58130889	Nguyễn Thị Minh	05/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
99	58130909	Trần Lê Thanh	21/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
100	58130914	Trần Thị Mỹ	15/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
101	58130922	Nguyễn Thị	09/03/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
102	58133189	Trần Thị Thu	20/11/1998	Nghệ An	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
103	58130931	Nguyễn Thị Kim	12/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
104	58130939	Phạm Thị Thu	03/11/1998	Kon Tum	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
105	58130950	Thái Lâm	19/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
106	58130961	Cao Bảo	22/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
107	58130975	Phùng Thị	26/01/1998	Đắk Lắk	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
108	58139037	Nguyễn Thị Tường	27/03/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
109	58130979	Phan Huỳnh Như	07/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
110	58130988	Nguyễn Dương	25/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
111	58130991	Trần Thị Phương	12/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
112	58130993	Dương Thị Yến	12/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
113	58130998	Trần Thị Hồng	19/12/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
114	58131005	Đinh Thị	10/11/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
115	58131004	Trần Phi	18/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KT-3	2016-2020
116	58131012	Bùi Nguyễn Minh	06/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
117	58131031	Nguyễn Thị Xuân	26/05/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
118	58131043	Nguyễn Thanh	10/06/1998	Bình Định	Nữ	Trung bình	58.KT-3	2016-2020
119	58131057	Phan Thị Bích	04/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
120	58131060	Trần Như	17/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
121	58131063	Phạm Thị	08/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
122	58131033	Lê Như Thủy	02/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
123	58131093	Nguyễn Thị Hoài	22/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KT-3	2016-2020
124	58131091	Trương Thị Kiều	01/09/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
125	58133198	Huỳnh Lương Trúc	03/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
126	58131101	Lê Nguyễn Bảo	16/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
127	58131105	Trần Thị Tố	02/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
128	58131109	Trần Thị Lê	28/05/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020
129	58131110	Lương Thị Hồng	19/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.KT-3	2016-2020
130	58131117	Đỗ Thị Như	15/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.KT-3	2016-2020

Danh sách có 130 sinh viên

ATC

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
 Theo Quyết định số 1978 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 9 năm 2020
 Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56165030	Nguyễn Lê Thục Anh	17/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
2	56162544	Lê Thị Thu Dân	26/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
3	56162894	Nguyễn Thị Kim Thảo	20/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-2	2014-2017
4	57160587	Ung Thục Oanh	10/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KT-2	2015-2018
5	57160131	Trần Thị Tuyết Sương	10/01/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.KT-2	2015-2018
6	58161213	Nguyễn Thị Trúc Ly	15/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
7	58160346	Nguyễn Thị Hạnh	28/03/1997	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	58C.KT-2	2016-2019
8	58133005	Phạm Thảo Linh	16/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-2	2016-2019
9	58160381	Lã Thị Ngọc Linh	10/04/1998	Nam Định	Nữ	Khá	58C.KT-2	2016-2019
10	58160501	Nguyễn Tố Uyên	04/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-2	2016-2019
11	59160323	Nguyễn Ngọc Phương Chi	04/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KT-1	2017-2020
12	59160389	Đoàn Thị Huyền	01/04/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
13	59160404	Phan Thị Bích Liên	09/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
14	59160409	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
15	59160413	Đinh Lê Tuyết Loan	07/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KT-1	2017-2020
16	59160415	Lã Thị Lương	01/03/1999	Thanh Hóa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
17	59160436	Nguyễn Thị Bích Nguyên	10/10/1999	Quảng Nam	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
18	59160453	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	08/08/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
19	59160495	Nguyễn Thị Thanh Thao	05/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
20	59160496	Huỳnh Thị Kim Thảo	08/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
21	59169211	Đặng Minh Thảo	19/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KT-1	2017-2020
22	59160509	Võ Minh Thư	20/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
23	59160536	Đỗ Ngọc Trang	08/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
24	59160545	Nguyễn Thị Minh Truyền	12/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KT-1	2017-2020
25	59160556	Nguyễn Thị Thu Vân	24/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KT-1	2017-2020
26	59160313	Đinh Thị Tú Anh	18/08/1997	Nam Định	Nữ	Khá	59C.KT-2	2017-2020
27	59160318	Đặng Gia Bảo	28/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.KT-2	2017-2020
28	59160340	Đinh Thị Lê Dung	06/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.KT-2	2017-2020
29	59160384	Nguyễn Thị Hồng	20/06/1999	Quảng Nam	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
30	59169094	Nguyễn Thị Huệ	10/07/1999	Quảng Bình	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
31	59160385	Võ Phi Hùng	04/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
32	59160478	Văn Thị Trúc Quyên	11/12/1998	Gia Lai	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
33	59169210	Lê Thị Bích Thao	09/09/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
34	59160531	Nguyễn Thị Thu Trâm	21/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
35	59160555	Đặng Thị Hồng Vân	18/12/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020

Danh sách có 35 sinh viên

(Chữ ký)